TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **Thành phố H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **384/** 2024/DS -ST
Ngày: 28/11/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh Hà.

2. Bà Phan Thị Mai Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số*:* 115/2024/TLST- DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2024/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty H

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8,9,10 tòa nhà G, số 24C đường P, Phường R, quận BT, Thành phố H.

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn D, sinh năm: 1993; Địa chỉ liên lạc: Lầu 8,9,10 tòa nhà G, số 24C đường P, Phường R, quận BT, Thành phố H (theo văn bản ủy quyền số 231123-3-CCO ngày 23/11/2023).

- *Bị đơn*: Bà Triệu Lệ A – sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số 164/1 đường Bình Tiên, Phường 4, Quận X, Thành phố H.

Ông Đỗ Văn D có đơn xin vắng mặt. Bà Triệu Lệ A vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Công ty H (say đây viết là Công ty H) do ông Đỗ Văn D là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 01/4/2015, bà Triệu Lệ A đã ký Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001935268 (gọi tắt là Hợp đồng) với Công ty H. Theo Hợp đồng thì bà A đã vay số tiền 29.000.000 đồng, để mua xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, số khung XX, số máy JF, biển kiểm soát số 59K-815.XR. Theo đó, vào ngày 01 hàng tháng thì bà A phải thanh toán cho Công ty H số tiền gốc và lãi là 2.557.832 đồng, thời gian trả góp là liên tục trong 18 kỳ, bắt đầu từ ngày 01/5/2015 đến ngày 01/10/2016.

Theo Hợp đồng, bà Triệu Lệ A đồng ý thế chấp chiếc xe máy đã mua cho Công ty H và Công ty giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy nêu trên. Nhưng hiện nay, giấy tờ do bà A giữ, Công ty H không giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy liên quan tới xe máy thế chấp.

Sau khi ký hợp đồng và được giải ngân thì bà Triệu Lệ A không thanh toán cho Công ty H bất cứ khoản tiền nào theo thỏa thuận.

Công ty H đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu bà A tuân thủ nghiêm túc nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Công ty H theo hợp đồng. Tuy nhiên bà A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tạm tính đến ngày khởi kiện (01/4/2022), bà Triệu Lệ A còn nợ Công ty H tổng số tiền là 41.643.760 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 29.900.000 đồng; Tiền lãi trong hạn là 7.715.183 đồng; Tiền lãi quá hạn là 4.028.577 đồng.

- Về phần lãi trong hạn: Căn cứ vào mục 5 Hợp đồng tín dụng số 2 W001935268, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và khoản 3 Mục III Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao: Công ty H và bà A thỏa thuận lãi suất theo dư nợ giảm dần là 60%/năm.

Tiền lãi phải thanh toán (trong hạn) = Dư nợ gốc đầu kỳ x lãi suất trong hạn x thời hạn. Cụ thể:

Ngày giải ngân là ngày 07/04/2015. Ngày thanh toán kỳ đầu tiên là 01/05/2015, nhưng bà Triệu Lệ A không thanh toán cho Công ty theo thỏa thuận. Vì vậy, đến ngày 01/11/2015 Công ty H đã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn. Số tiền lãi trong hạn của bà Triệu Lệ A được tính từ ngày 01/5/2015 đến ngày 01/10/2015 là 06 kỳ, với số tiền lãi trong hạn là 7.715.183 đồng.

- Về phần lãi quá hạn: Căn cứ khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015, kể từ ngày 02/05/2015 (ngày vi phạm) cho tới ngày trên đơn khởi kiện (01/4/2022), bà Triệu Lệ A đã trễ hạn thanh toán 85 tháng. Cụ thể: 10%/12 x 85 tháng x 29.900.000 = 21.179.167 đồng.

Để tạo điều kiện thanh toán cho bà A, Công ty H giảm một phần tiền lãi quá hạn và chỉ yêu cầu bà A thanh toán khoản tiền lãi quá hạn là 4.028.577 đồng.

Nay, Công ty H yêu cầu Tòa án nhân dân Quận X giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên buộc bà Triệu Lệ A thanh toán một lần toàn bộ số tiền chưa thanh toán tính đến ngày khởi kiện là 41.643.760 đồng, thanh toán ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010.

- Buộc bà Triệu Lệ A phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty H có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bà A không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Công ty H không yêu cầu bà Triệu Lệ A thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết đến khi xét xử.

- Công ty H không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là xe máy trong vụ án này, mà sẽ được xử lý bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Hiện nay H không giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tế, xe máy liên quan tới xe máy thế chấp.

** Bị đơn là bà Triệu Lệ A*: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập, nhưng bà Triệu Lệ A đều vắng mặt, không gửi ý kiến và các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của bà Triệu Lệ A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Công ty H khởi kiện yêu cầu bà Triệu Lệ A phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh đối với khoản vay theo Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001935268 ngày 01/4/2015, mục đích vay: mua xe gắn máy. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

Quận X theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001935268 ngày 01/4/2015; Lời trình bày của phía nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 01/4/2015, bà Triệu Lệ A đã vay của Công ty H số tiền gốc là 29.000.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán; mục đích vay là mua sản phẩm được tài trợ là 01 Honda Air Blade. Thời hạn vay là 18 tháng, lãi suất thực tế hàng tháng là 5.00%. Hàng tháng, bà A phải thanh toán theo phương thức trả góp là: 2.557.832 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì bà Triệu Lệ A đã thế chấp bằng chính sản phẩm được mua tài trợ là xe máy nhãn hiệu HONDA AIR BLADE, số khung XX, số máy JF, biển kiểm soát số 59K-815.XR.

Bị đơn là bà Triệu Lệ A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo thụ lý vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn đều vắng mặt, không gửi ý kiến phản hồi bằng văn bản và không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền lợi của mình. Như vậy, bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chưa thanh toán được khoản tiền nào cho Công ty H. Vì vậy, nay Công ty H yêu cầu bà Triệu Lệ A phải thanh toán số tiền vốn vay còn thiếu là: 29.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Sau khi vay tiền thì bà Triệu Lệ A đã không trả tiền vốn và tiền lãi hàng tháng cho Công ty H. Theo thỏa thuận, từ thời điểm bên vay vi phạm ngĩa vụ thanh toán (tức ngày 02/5/2015) thì toàn bộ khoản vay sẽ chuyển sang nợ quá hạn, nhưng Công ty H vẫn tính lãi trong hạn từ ngày 01/5/2015 đến ngày 01/10/2015, với số tiền lãi trong hạn là 7.715.183 đồng. Từ ngày 01/11/ 2015, Công ty mới chuyển sang nợ quá hạn đối với khoản vay là có lợi cho bị đơn. Mặt khác, đối với lãi quá hạn là từ ngày 01/11/2015 đến ngày 01/4/2022 (85 tháng), nhưng Công ty H chỉ yêu cầu bị đơn trả 4.028.577 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 11.743.760 đồng;

Căn cứ vào bảng chi tiết tính lãi mà Công ty H cung cấp, theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, nếu hàng tháng bà A trả nợ đầy đủ thì tiền

lãi mà bà A phải trả trong 18 kỳ là 15.418.111 đồng. Tuy nhiên, nay Công ty H chỉ yêu cầu bà A trả tiền lãi tổng cộng là: 11.743.760 đồng là có lợi cho bà A nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, buộc bà Triệu Lệ A phải trả cho Công ty H số tiền vốn vay là: 29.000.000 đồng và tiền lãi là: 11.743.760 đồng. Tổng cộng là: 41.643.760 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty HD SAI SON không yêu cầu bà A phải trả lãi phát sinh mà chỉ yêu cầu khi nào công ty H có đơn yêu cầu thi hành án thì bà A phải chịu lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc này là có lợi cho bà A nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Đối với tài sản thế chấp: Theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng thì bà Triệu Lệ A đồng ý thế chấp chiếc xe máy đã mua cho Công ty H và Công ty giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy nêu trên.

Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện thì Công ty H không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm này. Tại biên bản tự khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Công ty H xác nhận không yêu cầu Tòa án xem xét đối với tài sản thế chấp, mà sẽ được xử lý bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự thì *"đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó".*

Trong vụ án này Công ty HD SAISION không yêu cầu Tòa án giải quyết và xử lý tài sản bảo đảm mà bà Triệu Lệ A đã thế chấp cho Công ty H. Vì vậy, nếu sau này Công ty H hoặc bà Triệu Lệ A có tranh chấp đối với tài sản bảo đảm sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Triệu Lệ A phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Công ty H là: 41.643.760 đồng x 5% = 2.082.188 đồng.

Công ty H không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.041.094 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SAI SON

1. Buộc bà Triệu Lệ A thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn HD SAI SON số tiền vốn và tiền lãi của khoản vay theo Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001935268 ngày 01/4/2015 với tổng số tiền là: **41.643.760 đồng (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi đồng)**, trong đó: vốn vay là 29.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 7.715.183 đồng, lãi quá hạn là: 4.028.577 đồng.

- Thời hạn thanh toán: thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Triệu Lệ A phải nộp án phí là: **2.082.188 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi hai ngàn một trăm tám mươi tám đồng)**.

- Công ty H không phải nộp án phí nên trả lại cho Công ty H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: **1.041.094 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi mốt ngàn không trăm chín mươi bốn đồng)** theo biên lai thu số 0009795 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố H (01);
- VKSND Quận X (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận X (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tú